

Số: 66/2025/QĐST-HNGĐ

Trà Ôn, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 237/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thị Huyền T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Đỗ Thị Huyền T** và anh **Nguyễn Văn S**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Con chung tên **Nguyễn Thị Ánh X**, sinh ngày 09/01/2004 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng. Chị **Đỗ Thị Huyền T** và anh **Nguyễn Văn S** không yêu cầu nên Tòa án xem xét, giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 20/7/2012 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đỗ Thị Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Đỗ Thị Huyền T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn S tự thoả thuận, chưa yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Đỗ Thị Huyền T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 420.000đ (*Bốn trăm hai mươi ngàn đồng*). Nhưng chị T đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ, chị Trần không phải nộp tiếp.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Huyền T có nghĩa vụ nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.925.000đ (*Năm triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0011393 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 5.850.000đ (*Năm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị Huyền T.

Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- UBND xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang
(Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 14/11/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An